

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 78/2020/DS-ST
Ngày: 05 – 8 – 2020
V/v: Tranh chấp tiền hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Lươ
2. Ông Nguyễn Thanh Chắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Huỳnh Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020, về việc “Tranh chấp tiền hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1941; cư trú tại: Ấp N, xã VA, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị L, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp P, xã VA, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà có tham gia chơi dây hội tháng 500.000đ, mở ngày 06/9/2017 âm lịch do bà Võ Thị L làm chủ hội. Hội có 26 phần, bà tham gia 01 phần; đóng hội sống được 16 lần, đến kỳ mở hội thứ 17 thì bà L tuyên bố úp hội (bể hội). Sau đó giữa bà và bà L có kết toán hội với nhau; xác định bà L còn nợ bà số tiền hội 8.000.000đ. Bà L có hứa với bà sẽ thu tiền của hội viên khác để cân trừ số tiền 4.500.000đ; còn lại 3.500.000đ bà L sẽ tự trả cho bà. Nhưng đến nay bà L vẫn chưa trả cho bà được khoản tiền nào. Bà nhiều lần yêu cầu bà L trả tiền hội còn nợ 8.000.000đ nhưng bà L cứ hứa hẹn mà không thanh toán. Nay bà yêu cầu bà Võ Thị L phải trả cho bà tiền hội còn nợ 8.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị L trình bày:

Bà thừa nhận bà Nguyễn Thị N có tham gia chơi hội do bà làm chủ hội. Sau khi úp hội, bà và bà N có kết toán hội với nhau, số tiền hội mà bà phải trả cho bà N sau khi bể hội là 8.000.000đ. Bà và bà N có thỏa thuận bà N đi thu tiền của các hội viên khác còn nợ bà và cân trừ vào số tiền bà nợ bà N là 4.500.000đ. Như vậy, bà chỉ còn nợ bà N 3.500.000đ; bà đồng ý trả số tiền này cho bà N nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà yêu cầu được trả dần hàng tháng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa, bà Võ Thị L vắng mặt. Bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Võ Thị L trả số hội còn nợ 8.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn Võ Thị L, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa hôm nay vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Về nội dung vụ án: Bà Võ Thị L thừa nhận sau khi úp hội thì hai bên có kết toán hội với nhau, số tiền bà N được hưởng sau khi bể hội là 8.000.000đ; tuy nhiên bà L cho rằng đã trả cho bà N được 4.500.000đ, chỉ còn nợ 3.500.000đ nhưng bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định

về họ, họ, họ, họ, họ. Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N; Buộc bà Võ Thị L phải trả cho bà N số tiền họ còn nợ 8.000.000đ. Về án phí, đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Các đương sự thừa nhận có tham gia chơi họ với nhau, hiện phát sinh tranh chấp về số tiền họ còn nợ. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp tiền họ”. Căn cứ theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Đối với bị đơn bà Võ Thị L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn nhưng vẫn đảm bảo quyền và nghĩa vụ hợp pháp cho đương sự theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Bà Nguyễn Thị N và bà Võ Thị L khai thống nhất có cùng tham gia chơi họ đối với dây họ mở ngày 06/9/2017 âm lịch. Dây họ này do bà Võ Thị L làm chủ, gồm có 26 phần, bà N tham gia 01 phần. Sau các kỳ mở họ thì bà N đều đóng họ đầy đủ cho bà L, đến kỳ mở họ thứ 17 thì bà L tuyên bố úp họ. Tính đến thời điểm úp họ thì N đã đóng được 16 lần họ sống, như vậy số tiền bà N được hưởng dây họ này là 8.000.000đ. Bà L và bà N khai thống nhất số tiền này sau khi úp họ. Quá trình giải quyết vụ án, bà L thừa nhận bà đã giao cho bà N tự thu tiền của các họ viên còn nợ tiền bà L và căn trừ vào tiền nợ họ bà N 4.500.000đ nên bà chỉ còn nợ bà N số tiền 3.500.000đ; bà đồng ý trả cho bà N số tiền họ này nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị được trả dần hàng tháng cho đến khi hết nợ. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc bà L thừa nhận nợ bà N 8.000.000đ sau khi úp họ là tình tiết không phải chứng minh; Tòa án ghi nhận ý kiến của bà L làm căn cứ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bà L cho rằng có trả cho bà N được 4.500.000đ thông qua việc giao cho bà N tự đi gom tiền của các họ viên khác nhưng không được bà N thừa nhận; bà L cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh đã trả cho bà N được 4.500.000đ.

[3.2]. Xét thấy, việc thỏa thuận tham gia hội của các bên là hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện; bà L là chủ hội và bà N là hội viên, hội có lãi theo hình thức hội hưởng hoa hồng. Do quá trình tham gia hội, bà L tuyên bố úp hội nhưng chưa thánh toán tiền lại cho các hội viên, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của họ nên yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ chấp nhận. Buộc bà Võ Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền hội còn nợ 8.000.000đ; bà N không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Võ Thị L phải chịu 400.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí theo quy định pháp luật.

[5]. Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.
2. Buộc bà Võ Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền hội còn nợ 8.000.000đ (tám triệu đồng).
3. Về án phí: Bà Võ Thị L phải chịu 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị N thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí theo quy định.
4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận; trường hợp không thỏa thuận

được mức lãi suất thì xác định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thừa